

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Ông Đinh Công Trường

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 20-01-2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST – HNGĐ ngày 11-3-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Phương T, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố H, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Kế T1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố H, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương T trình bày:

Bà T xây dựng gia đình với ông Nguyễn Kế T1 vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào ngày 11-01-2007.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T1 thường xuyên chơi bài bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con. Mặt khác ông T1 thường xuyên đánh đập, đe dọa đến tính mạng của bà nên từ đầu năm 2021 đến nay bà phải chuyển ra ngoài sống, không giám về nhà, cũng từ đầu năm 2021 đến nay bà và ông T1 đã sống ly thân.

Bà T xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T1 do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 04-6-2009 và Nguyễn Huỳnh B, sinh ngày 27-7-2011. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu B cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Kế T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với điều kiện và thời gian kết hôn như bà T đã trình bày. Ông xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn cãi vã nhưng không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Ông xác định đầu năm 2021 vợ chồng có xảy ra một số hiểu lầm cãi vã nên ông có đánh bà T, sau đó bà T đã bỏ nhà đi cho đến nay, từ đó ông không liên hệ được với bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông còn rất yêu thương bà T nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 04-6-2009 và Nguyễn Huỳnh B, sinh ngày 27-7-2011. Trường hợp ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu A cho bà T trực tiếp đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc, hoàn toàn không có mâu thuẫn, việc bà T bỏ nhà đi có thể do bà T có mối quan hệ khác. Ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với các đương sự đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương T đối với ông Nguyễn Kế T1 cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Kế T1

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 04-6-2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Nguyễn Huỳnh B, sinh ngày 27-7-2011 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Bà Huỳnh Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Huỳnh Thị Phương T và ông Nguyễn Kế T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 11-01-2007 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà T, ông T1: Bà T xác định vợ chồng chung sống nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, ông T1 thường xuyên chơi bài bạc dẫn đến nợ nần, ông T1 có hành vi đánh bà T dẫn đến bà T phải bỏ nhà đi từ đầu năm 2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vì lo sợ gặp mặt ông T1 sẽ bị ông T1 hành hung ảnh hưởng đến tính mạng của bản thân nên từ chối hòa giải với ông T1 và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ lời khai của bà T xác định bà T vẫn nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông T1. Tại phiên tòa ông T1 xác định vợ chồng chung sống hoàn toàn không có mâu thuẫn điều này không phù hợp với lời khai của ông trong quá trình tố tụng tại Tòa án, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/2/2021, ông T1

xác định vợ chồng chung sống có hiệu lực, cãi vã, ông có đánh làm bà T bỏ nhà đi.

Ông T1 mong muốn đoàn tụ gia đình với bà T vì còn rất yêu thương bà T và không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, tuy nhiên từ đầu năm 2021 đến nay ông T1 không có động thái nào để hàn gắn tình cảm gia đình với bà T, từ khi bỏ đi đến nay bà T dấu địa chỉ, cắt đứt mọi liên lạc với ông T1, điều đó khẳng định bà T hoàn toàn không còn tình cảm với ông T1. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì tình cảm vợ chồng của bà T và ông T1 cũng không có khả năng hàn gắn.

Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà T đối với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 04-6-2009 và Nguyễn Huỳnh B, sinh ngày 27-7-2011.

Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu B cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa ông T1 yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con vì cho rằng bà T đã bỏ nhà đi không quan tâm đến các con nên không thể giao con cho bà T nuôi.

Nhận thấy, việc bà T bỏ nhà đi là do bị ông T1 đánh, trong thời gian sống ở ngoài bà T vẫn quan tâm, theo dõi cuộc sống của các con. Bản thân cháu Thư có nguyện vọng được sống với bà T, cháu Thi có nguyện vọng được sống với ông T1.

Xét về điều kiện nuôi con: Cả bà T và ông T1 đều làm nghề tự do, với mức thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng nên cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con.

Như vậy, xét về điều kiện nuôi con, nguyện vọng của các con chung đồng thời để bảo đảm các cháu A, B có được sự chăm sóc tốt nhất để phát triển bình T1 về thể chất và tinh thần cần giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu B cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] **Về án phí:** Bà Huỳnh Thị Phương T phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương T đối với ông Nguyễn Kế T1 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Kế T1.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Kế T1 giao cháu Nguyễn Huỳnh A, sinh ngày 04-6-2009 cho bà Huỳnh Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc bà Huỳnh Thị Phương T giao cháu Nguyễn Huỳnh B, sinh ngày 27-7-2011 cho ông Nguyễn Kế T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị Phương T, ông Nguyễn Kế T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006249 ngày 19-01-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Huỳnh Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- UBND phường X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Phan Thu Hiền**